

ẢNH HƯỞNG CỦA CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TỚI CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA LAO ĐỘNG NỮ NÔNG THÔN TẠI TỨ KỲ, HẢI DƯƠNG

Phạm Hương Giang

Khoa Du lịch

Email: giangph@dhhp.edu.vn

Nguyễn Thanh Huyền

Trường Đại học Lao động xã hội

Email: nguyenthanhhuyenctxh@gmail.com

Ngày nhận bài: 04/3/2021

Ngày PB đánh giá: 01/6/2021

Ngày duyệt đăng: 11/6/2021

TÓM TẮT: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã và đang tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của đất nước. Phụ nữ là lực lượng quan trọng của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Vậy quá trình này có ảnh hưởng như thế nào tới phụ nữ? Bài viết này tập trung phân tích những tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới chất lượng cuộc sống của lao động nữ nông thôn qua nghiên cứu trường hợp tại xã Tây Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương vốn là một xã thuần nông để qua đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của lao động nữ nông thôn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Từ khóa: chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chất lượng cuộc sống, lao động nữ nông thôn.

IMPACTS OF ECONOMIC RESTRUCTURING ON THE QUALITY OF LIFE OF RURAL FEMALE WORKERS IN TU KY DISTRICT, HAI DUONG PROVINCE

ABSTRACT: Economic restructuring has had a strong impact on the development of the country. Women are an important force in the process of economic restructuring. So how does this process affect women? This article focuses on analyzing the impacts of economic restructuring on the quality of life of rural female workers through a case study in Tay Ky commune which is an agricultural commune, thereby contributing to improving the quality of life of rural female workers in the process of restructuring the economic sector.

Keywords: economic restructuring, quality of life, and rural female workers.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau hơn 30 năm đổi mới, cơ cấu kinh tế đã có sự thay đổi đáng kể theo hướng tích cực, tỷ trọng trong GDP của ngành nông nghiệp đã giảm nhanh từ 19,22% năm 2012 xuống 17% năm 2015 và đến năm 2016 còn 16,32%. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP năm 2012 là 22,7%; năm 2015 là 33,25% và đến năm 2016 là 32,72%. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP có xu hướng tăng, năm 2012 là 37,27%; năm 2015 là 39,73% và năm 2016 đạt 40,92% (Nguồn: Tổng cục thống kê).

Về cơ bản, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã làm thay đổi cơ cấu lao động nước ta theo xu hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Số lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng lên, trong khi số lao động ngành nông nghiệp ngày càng giảm đi. Trong nội bộ cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn cũng đã có sự chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn mà biểu hiện rõ nhất là thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu hộ nông thôn theo hướng ngày càng tăng thêm các hộ làm công nghiệp,

thương mại và dịch vụ; trong khi số hộ làm nông nghiệp thuần túy giảm dần.

Có thể thấy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã và đang tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự phát triển của đất nước nói chung và mỗi người dân nói riêng. Phụ nữ là lực lượng quan trọng của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Khi tham gia vào quá trình này, phụ nữ đã có những đóng góp to lớn vào thành tựu chung, nhưng cũng đồng thời gặp không ít khó khăn, vướng mắc. Vậy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế có ảnh hưởng như thế nào tới phụ nữ? Bài viết này tập trung phân tích những tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới chất lượng cuộc sống của lao động nữ nông thôn qua nghiên cứu trường hợp tại xã Tây Kỳ (huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương) vốn là một xã thuần nông để qua đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của lao động nữ nông thôn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Xã Tây Kỳ, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương vốn là xã thuần nông và phương tiện sản xuất tập trung vào hợp tác xã, sản xuất không phát triển. Đến thời điểm điều tra, toàn bộ ruộng đất đã giao khoán đến hộ gia đình. Mỗi hộ gia đình trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ, bộ mặt làng xã thay đổi nhanh chóng.

Xã có khoảng từ 1000 đến 1700 lao động đi làm ăn xa ngoài xã. Đó là chưa kể nhiều lao động tham gia vào các lĩnh vực thương mại dịch vụ, cơ khí, vận chuyển hành khách, hàng hóa, làm công nhân trong các khu công nghiệp tại địa phương... Tính chung trong toàn xã có khoảng hơn 2200 lao động trên tổng số 2700 lao động có công ăn việc làm thường xuyên ngoài nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp cũng phát triển rất đa dạng. Bên cạnh cây lúa là các cây vụ đông

có tính thương phẩm cao từ hoa màu, các trang trại chăn nuôi nhỏ lẻ trong từng hộ gia đình...Do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển mạnh mẽ các ngành nghề phi nông nghiệp nên cơ cấu kinh tế của xã Tây Kỳ đã có những thay đổi căn bản.

Theo báo cáo tình hình phát triển kinh tế năm 2019: Tổng giá trị sản xuất ước đạt: 120,024 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,05%. Trong đó: Giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản đạt: 42,429 tỷ đồng tăng 1,3% so với năm 2017; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản đạt 37,24 tỷ đồng, tăng 14,58% [5].

Trong lĩnh vực văn hóa – xã hội, cùng với sự phát triển kinh tế, các tổ chức xã hội và nghi lễ văn hóa bị xóa bỏ trong thời kỳ bao cấp đã được khôi phục lại. Ngoài tổ chức hành chính thôn và chức trưởng thôn được phục hồi, hàng loạt các câu lạc bộ và các tổ chức không chính thức, có tính tự nguyện cũng được hình thành hoặc khôi phục lại. Cũng giống như nhiều vùng nông thôn khác, các nghi lễ và hoạt động văn hóa như ma chay, cưới xin, đi chùa, xây chùa, xây mộ tổ, xây nhà thờ họ, hạp họ, các lễ hội truyền thống của địa phương ở Tây Kỳ cũng được khôi phục lại. Bên cạnh đó, những giá trị văn hóa mới như bình đẳng giới, quyền trẻ em, gia đình văn hóa, làng văn hóa mới, phát huy dân chủ ở cơ sở...cũng thường xuyên được phổ cập tới người dân.

Như vậy, sau hơn 30 năm đổi mới, đời sống của người dân xã Tây Kỳ đã có những thay đổi căn bản về kinh tế vật chất, xã hội và tinh thần.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích tài liệu: phân tích các dữ liệu thứ cấp về: vấn đề tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Phân tích những tài liệu liên quan của Đảng, Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền các cấp và các chuyên gia trong lĩnh vực chuyển

đổi cơ cấu kinh tế; báo cáo kinh tế xã hội của địa bàn nghiên cứu...).

- Phương pháp phỏng vấn sâu: Nghiên cứu thực hiện 20 phỏng vấn sâu (gồm: Lãnh đạo/cán bộ đại diện các phòng/ban của xã/huyện; Đại diện phụ nữ tại địa bàn nghiên cứu).

- Phương pháp phỏng vấn bảng hỏi: chúng tôi thực hiện khảo sát 300 bảng hỏi (Đối tượng là phụ nữ nông thôn trong độ tuổi lao động (từ 30 đến 55) tại địa bàn nghiên cứu. Trong đó một nửa số phụ nữ đã có sự chuyển đổi việc làm và một nửa số phụ nữ chưa có sự chuyển đổi việc làm trong khoảng thời gian 10 năm trở lại đây. Số liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 22.0.

- Thời gian tiến hành nghiên cứu: từ năm 2014 - 2020 (thời gian khảo sát 2020).

- Địa bàn nghiên cứu: đề tài tiến hành khảo sát thực tiễn tại xã Tây Kỳ- huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương.

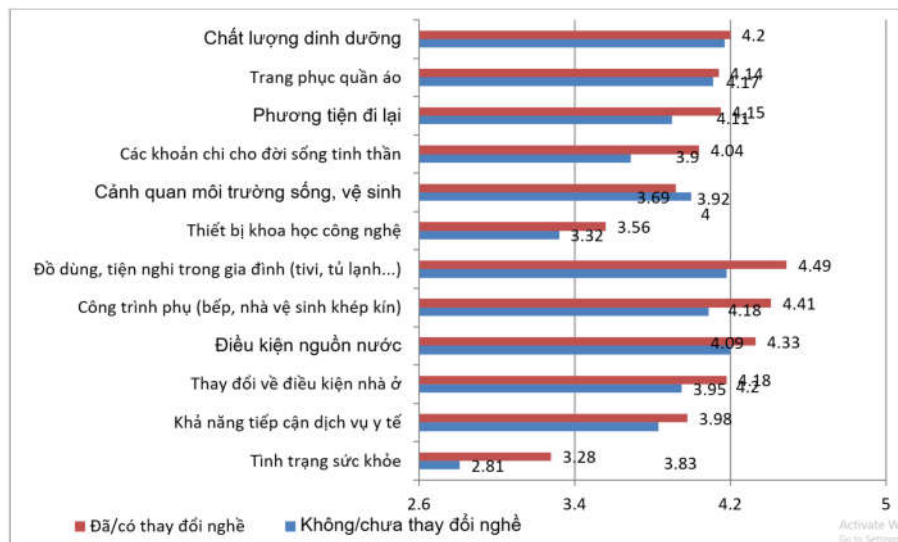
3. Kết quả nghiên cứu

Chất lượng cuộc sống là một khái niệm đã được bàn tới ở nhiều khía cạnh: y học,

tâm lý, kinh tế, xã hội học... Có nhiều định nghĩa khác nhau về CLCS. Theo WHO, chất lượng cuộc sống (Quality of life) được định nghĩa là sự cảm nhận của các cá nhân về cuộc sống của họ trong bối cảnh văn hóa xã hội mà họ đang sống, liên quan đến mục đích, nguyện vọng, tiêu chuẩn và các mối quan tâm của họ. [2]

Trong nghiên cứu về chất lượng cuộc sống, các nhà nghiên cứu thường đề cập tới sự phân biệt giữa chất lượng cuộc sống chủ quan và khách quan. Chất lượng sống chủ quan chính là mức độ hài lòng của cá nhân với mọi thứ nói chung. Chất lượng sống khách quan là việc xã hội đã đáp ứng như thế nào đối với các nhu cầu về văn hóa và xã hội, của cải vật chất, địa vị xã hội và thể chất của các cá nhân.

Trong nghiên cứu này, khái niệm chất lượng cuộc sống được đo lường bởi sự đánh giá của lao động nữ nông thôn về các khía cạnh vật chất và tinh thần trong cuộc sống của họ. Qua đó đánh giá việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã ảnh hưởng như thế nào tới chất lượng cuộc sống của lao động nữ ở xã Tây Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.



(Thang điểm từ 1 đến 5: Mức 1: Kém hơn trước nhiều, mức 2: Kém hơn trước, mức 3: Được cải thiện, mức 4: Được cải thiện hơn trước nhiều, mức 5: Được cải thiện rõ rệt hơn trước nhiều)

Biểu 1. Đánh giá sự thay đổi của một số yếu tố liên quan đến chất lượng sống
(Kết quả khảo sát tháng 6/2020)

Nhìn vào biểu đồ có thể thấy xu hướng chất lượng cuộc sống được nâng cao với cả hai nhóm đối tượng. Đó là thành quả của hơn 30 năm đổi mới, chúng ta đã ra khỏi nhóm các nước nghèo để vươn lên nhóm các nước hạng trung bình thấp. Mặc dù cuộc sống vẫn còn nhiều gian khó nhưng xu thế đi lên là tất yếu. Kết quả khảo sát cho thấy, dưới sự ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, các tiêu chí liên quan đến chất lượng cuộc sống của cả hai nhóm đối tượng đều có sự cải thiện. Ngoại trừ tiêu chí về tình trạng sức khỏe hầu như không có sự thay đổi rõ ràng nào, mức điểm dưới 3.3, còn lại hầu hết các tiêu chí khác đều trong khoảng điểm cao (từ 3.4 điểm trở lên) nghĩa là có sự thay đổi cơ bản và tích cực. Một số tiêu chí thuộc về điều kiện sống có sự thay đổi rất rõ rệt (trên 4 điểm). Dễ dàng nhận thấy nhất gồm có các tiêu chí: Đồ dùng, tiện nghi trong gia đình (tivi, tủ lạnh,...), công trình phụ (bếp, nhà vệ sinh khép kín), điều kiện nguồn nước, chất lượng dinh dưỡng, trang phục quần áo và điều kiện nhà ở. So sánh sự thay đổi giữa hai nhóm đối tượng, nhận thấy có sự khác biệt nhỏ trong từng tiêu chí. Độ chênh lệch điểm giữa hai nhóm trong từng tiêu chí chỉ từ 0,2 đến 0,35 điểm phần trăm. Đáng lưu ý ở đây là tiêu chí “Tình trạng sức khỏe”, mặc dù với cả hai nhóm, sức khỏe đều ở trong khoảng thay đổi ít và đạt mức thấp nhất trong 12 tiêu chí đưa ra nhưng độ chênh lệch điểm giữa hai nhóm đối tượng lại là cao nhất, đến 0,48 điểm phần trăm. Như vậy sức khỏe là vấn đề có sự khác biệt lớn nhất giữa nhóm phụ nữ đã chuyển dịch và nhóm chưa chuyển dịch. Điểm lưu ý thứ hai là tiêu chí “Cảnh quan, môi trường sống” có sự thay đổi tiêu cực, điểm chênh lệch là âm (-0.8 điểm). Mặc dù độ chênh lệch chỉ là rất ít nhưng đó là một trong những vấn đề đáng lưu tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông

thôn. Một số địa phương đang phải trả giá cho sự tăng trưởng nóng nhưng không bền vững đó chính là việc môi trường sống bị hủy hoại, bị tàn phá và ô nhiễm.

Như vậy, ngoài tiêu chí “Cảnh quan môi trường sống” có dấu hiệu giảm sút, tất cả các tiêu chí khác liên quan đến chất lượng cuộc sống của cả hai nhóm phụ nữ nông thôn đều có sự thay đổi theo hướng được cải thiện rõ rệt hơn so với trước và nhóm đã chuyển dịch/thay đổi ngành nghề có mức độ cải thiện rõ rệt hơn so với nhóm chưa có sự chuyển dịch/thay đổi ngành nghề. Điều đó chứng tỏ rằng, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đã có những ảnh hưởng tích cực tới chất lượng cuộc sống của phụ nữ nông thôn, đặc biệt ở các khía cạnh như: Tình trạng sức khỏe; Điều kiện nhà ở; Công trình phụ; Đồ dùng, tiện nghi trong gia đình; Các khoản chi cho đời sống tinh thần; Phương tiện đi lại.

Về tình trạng sức khỏe, khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và tham gia bảo hiểm y tế của phụ nữ nông thôn.

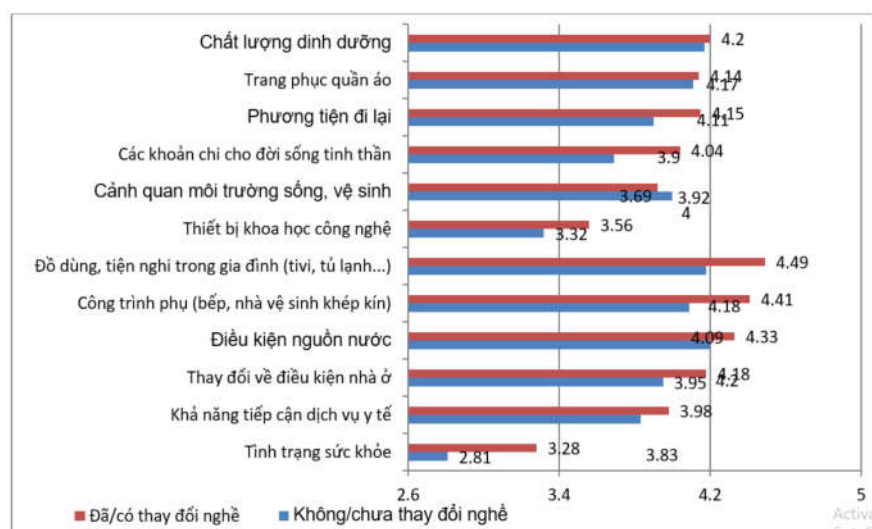
Trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương “xã hội hóa” nhằm nâng cao chất lượng và nguồn cung ứng của dịch vụ y tế nên người dân nói chung và phụ nữ nông thôn nói riêng có nhiều thuận lợi hơn trong việc tiếp cận dịch vụ y tế. Theo số liệu khảo sát cho thấy, khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của phụ nữ nông thôn được cải thiện nhiều hơn so với 5 năm trước (ĐTB = 3,91). Kết quả này một lần nữa khẳng định về việc thực hiện những chính sách nhằm nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ công nói chung và y tế nói riêng đã mang lại những kết quả nhất định.

Tuy nhiên, việc tiếp cận dịch vụ y tế thuận lợi chưa đi liền với sự cải thiện tình trạng sức khỏe là điều cần được quan tâm.

Từ kết quả khảo sát cho thấy, trong nhóm các yếu tố có sự cải thiện, tình trạng sức khỏe là yếu tố được cải thiện ít nhất. Đối với phụ nữ nông thôn chưa/không chuyển đổi ngành nghề thì tình trạng sức khỏe được đánh giá còn bị giảm sút so với trước (ĐTB = 2,81). Thực tế hiện nay, sức khỏe của phụ nữ và trẻ em là những vấn đề quan tâm hàng đầu của các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Phụ nữ là cốt lõi của sự phát triển kinh tế xã hội. Sức khỏe và cuộc sống

của phụ nữ có ý nghĩa quan trọng đối với gia đình, bản thân và cộng đồng. Hơn thế, đời sống và sức khỏe của phụ nữ là yếu tố cơ bản có ảnh hưởng trực tiếp tới thế hệ tương lai. Mặc dù các chiến lược, chính sách dân số và sức khỏe phụ nữ đã hướng đến vùng nông thôn nhưng việc chăm sóc sức khỏe của lao động nữ nông thôn còn nhiều khó khăn. Rất nhiều chị em vì công việc quá bận rộn mà không có điều kiện chăm sóc sức khỏe, nghỉ ngơi...

(Đơn vị tính: %)



Biểu 2: Nguyên nhân làm thay đổi tình trạng sức khỏe của phụ nữ nông thôn

(Kết quả khảo sát tháng 6/2020)

Theo đánh giá của những người được khảo sát, các nguyên nhân hàng đầu có ảnh hưởng đến sức khỏe của phụ nữ nông thôn gồm có: điều kiện lao động, chế độ dinh dưỡng, môi trường sống và điều kiện kinh tế gia đình. Hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam đang ngày càng trở nên nghiêm trọng, đe dọa đến sức khỏe con người, thể hiện trong nhiều khía cạnh sinh hoạt đời sống như nguồn nước, khói bụi, không khí, rác thải, nhiên liệu xăng dầu... Bên cạnh đó, các yếu tố về lạm dụng hóa

chất trong nông nghiệp, những biến đổi về khí hậu và hệ sinh thái... ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của người dân. Đặc biệt ở địa bàn khảo sát, nhiều phụ nữ nông thôn rất bức xúc với tình trạng ô nhiễm môi trường phát sinh do việc phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tự phát, thiếu quy hoạch tổng thể. Một số hộ làm trang trại chăn nuôi ngay tại khu dân cư, gây ô nhiễm nghiêm trọng. Vấn đề vệ sinh chuồng trại được nhắc đến ở hầu hết các vùng nông thôn, tuy nhiên đây không phải là vấn đề dễ xử lý:

“Người dân ở đây rất lo lắng và cảm thấy không thể chịu đựng được trước tình trạng một số trang trại chăn nuôi lợn, vịt gà thải phân ra cống mương gây mùi thối. Nhất là vào những ngày nắng mùi thối, khắm càng kinh khủng hơn. Người dân chúng tôi cũng có kiến nghị với chính quyền, nhưng đến nay vẫn chưa có biện pháp giải quyết nào cả” (Thảo luận nhóm).

Điều kiện kinh tế gia đình được cho là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng tới sức khỏe của phụ nữ nông thôn. Thực tế, điều kiện kinh tế tỷ lệ thuận với chế độ dinh dưỡng. Mặt khác, điều kiện kinh tế gia đình cũng giúp cho phụ nữ có điều kiện khám, chữa bệnh, phát hiện sớm các mầm bệnh nguy hiểm, chữa trị kịp thời hơn. Báo cáo chung tổng quan ngành y tế năm 2013 đã cho thấy: Vấn đề tài chính cho y tế là một trong những vấn đề cần quan tâm hiện nay ở nước ta trong lĩnh vực y tế. Nguồn tài chính công (mà chủ yếu ở đây là ngân sách nhà nước và bảo hiểm y tế) chiếm tỉ trọng nhỏ so với nguồn tài chính tư (chi trả trực tiếp từ tiền túi của người bệnh) trong công tác khám chữa bệnh [6].

Trước nhiều nguy cơ về sức khỏe như vậy, phụ nữ nông thôn hiện nay đã quan tâm hơn đến việc tham gia bảo hiểm y tế. Kết quả cho thấy, tại địa bàn khảo sát có đến gần một nửa số phụ nữ nông thôn có tham gia bảo hiểm y tế (chiếm đến 41,6%). Tính đến nay, chính sách BHYT tự nguyện đã được triển khai trên 5 năm, hầu hết người dân đều biết đến chính sách này và tham gia tương đối nhiều. Luật bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014 khuyến khích, vận động người dân tham gia BHYT theo hộ gia đình với những chính sách ưu đãi hơn so với quy định

cũ. Với những chính sách ưu đãi của Luật bảo hiểm y tế sửa đổi này, khi mua BHYT theo hộ gia đình, mức đóng được giảm dần từ thành viên thứ hai trở đi. Với lợi ích đó, tỷ lệ cả gia đình mua BHYT cao hẳn cũng là điều dễ hiểu. Mặc dù tỷ lệ phụ nữ nông thôn tham gia BHYT tăng so với trước nhưng đối với trên một nửa số phụ nữ nông thôn không tham gia bảo hiểm y tế sẽ là vấn đề đáng lo lắng khi họ phải gặp vấn đề về sức khỏe mà buộc phải đi khám chữa bệnh.

Thay đổi về thời gian nghỉ ngơi, rảnh rỗi của phụ nữ nông thôn

Kết quả khảo sát cho thấy phụ nữ nông thôn ngày nay đã dành thời gian nhiều hơn cho hoạt động thư giãn, giải trí như: nghe/xem thời sự, tin tức, gặp gỡ, thăm hỏi bạn bè, nấu những món ăn ngon cho gia đình. Các kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy rằng đa phần các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi của phụ nữ nông thôn hiện nay thường trong phạm vi của thôn, xã và dựa trên tính có sẵn cùng khả năng lựa chọn.

Như vậy, có thể thấy tại địa bàn khảo sát đặc trưng lối sống nông thôn thể hiện khá rõ. Các hình thức hoạt động trong thời gian rảnh rỗi của phụ nữ nông thôn còn nghèo nàn, chưa đa dạng và chưa mang tính tích cực, chủ động. Kết quả này cho thấy phụ nữ nông thôn hiện nay rất bận rộn với công việc gia đình và công việc mưu sinh. Cùng với thu nhập thấp cho nên khoản chi tiêu cho giải trí, tham quan, du lịch nghỉ mát cũng giảm đi so với trước nên nhiều phụ nữ nông thôn khẳng định rằng họ không có thời gian nghỉ ngơi, ngay cả những hoạt động do Hội phụ nữ phát động họ cũng không tham gia được.

Bảng 1: Thay đổi về sử dụng thời gian rảnh rỗi của phụ nữ nông thôn theo tình trạng nghề nghiệp (Kết quả khảo sát tháng 6/2020)

Các hoạt động	Chưa chuyển đổi	Đã chuyển đổi	Chung
Đọc tài liệu, học tập nâng cao trình độ	3.08	3.51	3.33
Nghe/xem thời sự, tin tức	4.12	4.12	4.12
Nghe/xem kiến thức khoa học thường thức	3.69	3.60	3.64
Nghe/xem các chương trình giải trí (phim, sân khấu, trò chơi...)	3.70	3.49	3.58
Luyện tập TD thể thao, CSSK bản thân	3.52	3.45	3.48
Tham gia hội thi, hội diễn, sinh hoạt định kỳ văn hóa, văn nghệ	3.14	3.46	3.33
Gặp mặt, thăm hỏi họ hàng, bạn bè, hàng xóm	4.03	4.06	4.05
Đi chùa, đi lễ	3.83	3.54	3.66
Ngủ, nghỉ ngơi	3.34	3.24	3.28
Khâu vá, thêu, đan...	2.23	2.31	2.28
Trang hoàng, bài trí nhà cửa	3.41	3.68	3.57
Nấu những món ăn ngon cho gia đình	3.92	4.11	4.03

(Thang điểm từ 1 đến 5: Mức 1: Chưa bao giờ, mức 2: Hiếm khi, mức 3: Trung bình, mức 4: Thường xuyên, mức 5: Rất thường xuyên)

Có sự khác biệt giữa hai nhóm phụ nữ không/chưa thay đổi ngành nghề và nhóm phụ nữ đã/có thay đổi ngành nghề. Nhóm phụ nữ đã/có thay đổi ngành nghề dành nhiều thời gian hơn cho các hoạt động mang tính chất giải trí, nâng cao đời sống vật chất như: nấu những món ăn ngon cho gia đình, trang hoàng bài trí nhà cửa, đọc tài liệu nâng cao trình độ, tham gia các chương trình giải trí (phim, sân khấu,

trò chơi...): “Hiện nay nếu chỉ làm nông nghiệp thì không đủ sống, chúng tôi chỉ đi chùa vào dịp lễ, Tết thôi. Giờ cũng ít người khâu vá thêu thùa. Chỉ có đi làm công ty thì còn có tiền nhưng đi từ sáng đến tối, có khi tăng ca đến tận 9-10h thì làm gì có thời gian đi đâu, tham gia cái gì nữa, về nhà chỉ muốn nghỉ ngơi” (PVS nữ 48 tuổi).

Thay đổi trong việc sử dụng các công trình công cộng của phụ nữ nông thôn.

Ở nông thôn, nhà văn hóa khu dân cư đóng vai trò quan trọng trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Kết quả khảo sát cho thấy, phụ nữ nông thôn hiện nay sử dụng nhà văn hóa, cụm, nhà sinh hoạt cộng đồng với mức độ tăng thường xuyên hơn so với trước đây. Cùng với các thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao cơ sở, nhà văn hóa không chỉ giúp nâng cao đời sống tinh thần của người dân, đóng vai

trò quan trọng trong việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân mà còn là nơi sinh hoạt cộng đồng, là địa điểm tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao. Đây là nền tảng vững chắc để phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thu được nhiều thành tựu và phát triển ngày càng sâu rộng ở khắp các địa phương.

**Bảng 2: Thay đổi về sử dụng các công trình giải trí của phụ nữ nông thôn
(Kết quả khảo sát tháng 6/2020)**

(Đơn vị tính: %)

Các tiêu chí		Nhà văn hóa thôn	Thư viện	Sân bóng đá/bóng chuyền
	Chung	4.18	1.59	2.51
Theo nhóm tuổi	Từ 30 tuổi trở xuống	3.90	1.70	2.20
	Từ 31-40 tuổi	3.98	1.36	2.63
	Từ 41-50 tuổi	4.19	1.57	2.37
	Trên 50 tuổi	4.39	1.87	2.75
Theo ngành nghề	Không/chưa thay đổi ngành nghề	4.19	1.61	2.29
	Đã/có thay đổi ngành nghề	4.18	1.57	2.67

(Thang điểm từ 1 đến 5: Mức 1: Chưa bao giờ, mức 2: Hiếm khi, mức 3: Trung bình, mức 4: Thường xuyên, mức 5: Rất thường xuyên)

Từ khảo sát cho thấy, phụ nữ nông thôn gần như không sử dụng thư viện xã là nơi giải trí của họ, có đến 76,9% hoàn toàn không sử dụng thư viện vào thời gian rảnh rỗi. Xuất phát từ nhiều nguyên nhân mà người dân không mặn mà, tha thiết với thư viện xã hay Tủ sách pháp luật ở các địa phương. Tình trạng này diễn ra ở rất

nhiều các địa phương và người dân gọi đó là những “thư viện chết” khi các cấp chính quyền thiếu quan tâm, chú trọng đầu tư, phát triển đổi mới hoạt động ở chính thư viện, tủ sách địa phương mình, khi không có các hoạt động tuyên truyền về vai trò của thư viện đối với việc nâng cao đời sống tinh thần của người dân nói chung và của

phụ nữ nông thôn nói riêng. Hơn nữa, việc sử dụng ngày càng phổ biến của điện thoại thông minh, mạng Internet nên thông tin được cập nhật nhanh hơn, thuận tiện hơn so với việc dành thời gian đến thư viện: “Em chưa vào thư viện bao giờ, hình như nó ở chỗ Ủy ban. Nhiều lúc cũng muốn tham gia hội nhóm gì đó nhưng không có thời gian, trẻ thì làm công ty, đi học, có tuổi tí như chị em thì còn con cái. Nói chung bây giờ được cái nghe nhạc, xem phim hay đọc tin tức gì cũng tiện nên cuộc sống cũng không nhàm chán” PVS, nữ, 24 tuổi.

Đa phần phụ nữ nông thôn hiện nay đều nhận thấy họ gặp nhiều thuận lợi hơn khi tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao, trong đó yếu tố thuận lợi nhất là sự ủng hộ, tạo điều kiện của gia đình (ĐTB = 4,15) và yếu tố ít thuận lợi nhất là do khả năng, năng khiếu của bản thân (ĐTB = 3,10) và sự hỗ trợ kinh phí của địa phương (ĐTB = 3,11). Điều này phần nào phản ánh thực trạng ở nhiều địa phương hiện nay ít tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, các hoạt động văn hóa, văn nghệ cho người dân. Đặc biệt đối với phụ nữ không có nhiều các hoạt động ngoài các buổi sinh hoạt định kỳ của Hội phụ nữ.

4. Một số giải pháp

4.1. Nâng cao vai trò của Hội phụ nữ trong việc vận động, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp, phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững

Vận động phụ nữ tích cực tham gia các mô hình kinh tế hợp tác theo chuỗi giá trị, chú trọng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm an toàn. Nâng cao chất lượng hoạt động, thí điểm cho vay vốn, kết nối tiêu thụ sản phẩm cho các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới do Hội hỗ trợ thành lập. Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế

trang trại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Triển khai hiệu quả đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 -2025”; phối hợp xây dựng chuỗi liên kết, xây dựng mô hình hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh. Phát huy vai trò của các hội/câu lạc bộ doanh nhân nữ trong kết nối, hỗ trợ phụ nữ thực hiện các ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh.

Đổi mới công tác dạy nghề, tạo việc làm theo định hướng chuyển đổi cơ cấu lao động, gắn với hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, chú trọng đối tượng vay vốn từ các nguồn do Hội quản lý, phụ nữ khu vực chuyển đổi đất nông nghiệp, chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, phụ nữ có nguy cơ mất việc làm ở các khu công nghiệp. Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tổ chức đào tạo ngắn ngày, đào tạo trực tuyến để nâng cao năng lực cho phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế. Nâng cao hiệu quả hoạt động, từng bước chuyển đổi, bổ sung chức năng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội; tăng cường phối hợp cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo nghề cho lao động nữ, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Hỗ trợ phụ nữ tiếp cận và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thông qua mở rộng hoạt động uỷ thác với Ngân hàng Chính sách xã hội, tín chấp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngân hàng khác. Nâng cao chất lượng, khả năng quản lý, đa dạng hoá hình thức tiết kiệm ở cơ sở, tiết kiệm gắn với an sinh xã hội, tiết kiệm để tạo nguồn vốn đầu tư cho sản xuất và đời sống. Mở rộng hoạt động tài chính vi mô trong hệ thống Hội; từng bước hợp nhất và tiêu chuẩn hoá quy trình hoạt động

của các quỹ, các chương trình tài chính vì mô do Hội quản lý; đa dạng hoá sản phẩm và đối tượng tiếp cận.

Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng các hoạt động phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình; hoạt động giúp phụ nữ thoát nghèo đa chiều tập trung ở các vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao thông qua triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ việc làm bền vững, hướng dẫn kỹ năng quản lý kinh tế hộ gia đình và tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội, tập trung cho các địa bàn dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, các xã đặc biệt khó khăn.

Như vậy, Hội đã tập trung vào những khâu then chốt nhất, nhằm giúp phụ nữ có thể đáp ứng được những yêu cầu và tham gia vào quá trình dịch chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách hiệu quả.

4.2. Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh

Nâng cao nhận thức của phụ nữ về vai trò, vị trí của gia đình, các giá trị truyền thống, các mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chiến lược, chương trình, đề án về gia đình, tập trung vào Đề án “Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trong tình hình mới”.

Phối hợp triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ chăm sóc sức khoẻ sinh sản; dân số/kế hoạch hóa gia đình, nuôi dạy con, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống dịch bệnh, HIV/AIDS, phòng chống bạo lực gia đình... luôn là những nội dung chính được lồng ghép trong các buổi sinh hoạt hội viên, sinh hoạt câu lạc bộ, góp phần hỗ trợ phụ nữ thực hiện vai trò nòng

cốt trong xây dựng gia đình.

Mặt khác, cần triển khai sâu rộng, đồng bộ và tạo chuyển biến về chất trong thực hiện các tiêu chí “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Cụ thể hoá các nội dung tiêu chí “5 không, 3 sạch” phù hợp với các nhóm phụ nữ và đặc điểm địa phương/đơn vị. Hướng dẫn, hỗ trợ các gia đình khó khăn đạt các tiêu chí “5 không, 3 sạch”.

Tăng cường hỗ trợ hội viên, phụ nữ nâng cao kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình, làm cha mẹ, chăm sóc, giáo dục con ở tuổi vị thành niên; xây dựng mối quan hệ gắn kết, trách nhiệm của các thành viên gia đình; góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống; phát huy các giá trị truyền thống văn hoá tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Trang bị kiến thức, kỹ năng cho phụ nữ và các thành viên gia đình về phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người, xâm hại phụ nữ, trẻ em. Nâng cao chất lượng, nhân rộng các mô hình tư vấn, hỗ trợ nạn nhân gắn với hoạt động dạy nghề; củng cố, nâng cao chất lượng địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, nhà tạm lánh. Tổ chức các mô hình dịch vụ hỗ trợ gia đình đáp ứng nhu cầu của phụ nữ và xã hội.

III. KẾT LUẬN

Hơn 30 năm đổi mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã từng bước đưa đến những thành tựu trong tăng trưởng kinh tế của cả nước. Cùng với đó, các chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo, chương trình về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho các vùng khó khăn, các chương trình tín dụng cho người nghèo và chính sách hỗ trợ trực tiếp đã mang lại kết quả rõ rệt cho các địa phương.

Từ khảo sát thực tế tại xã Tây Kỳ cho thấy, dưới sự ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, các tiêu chí liên quan đến chất lượng cuộc sống của cả hai nhóm đối tượng đều có sự cải thiện. Ngoại trừ tiêu chí về tình trạng sức khỏe hầu như không có sự thay đổi rõ ràng nào còn lại hầu hết các tiêu chí khác đều trong khoảng điểm cao (từ 3.4 điểm trở lên) nghĩa là có sự thay đổi cơ bản và tích cực. Một số tiêu chí thuộc về điều kiện sống có sự thay đổi rất rõ rệt (trên 4 điểm), dễ dàng nhận thấy nhất là: Đồ dùng, tiện nghi trong gia đình (tivi, tủ lạnh, ..), công trình phụ (bếp, nhà vệ sinh khép kín), điều kiện nguồn nước, chất lượng dinh dưỡng, trang phục quần áo và điều kiện nhà ở.

Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng cuộc sống của lao động nữ nói riêng và người dân nông thôn nói chung cần nâng cao vai trò của Hội phụ nữ trong việc vận động, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp gồm có: Vận động phụ nữ tích cực tham gia các mô hình kinh tế hợp tác theo chuỗi giá trị, chú trọng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm an toàn; Đổi mới công tác dạy nghề, tạo việc làm theo định hướng chuyển đổi cơ cấu lao động; Hỗ trợ phụ nữ tiếp cận và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn. Mặt khác, thực hiện các hoạt động tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ chăm sóc sức khỏe, nâng cao kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình góp

phần gia đình xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Việc nâng cao chất lượng cuộc sống của lao động nữ nông thôn nói riêng và người dân nông thôn nói chung chính là một trong những thước đo hiệu quả của chất lượng nông thôn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Quý (2010), *Giáo trình xã hội học giới*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
2. OMS (organisation Mondiale de la Santé) (1994), *Working group. Definition of the Quality of life*, http://fr.wikipedia.org/wiki/Qualit%C3%A9_de_vie
3. Nguyễn Đình Thiêm (2006), *Chất lượng cuộc sống của người di cư Việt Nam* (Theo nghiên cứu của Vụ Thống kê dân số và lao động, xí nghiệp in SAVINA
4. Trịnh Việt Tiến (2020), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đáp ứng hội nhập và phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề cần trao đổi*, Tạp chí Công thương, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/chuyen-dich-co-cau-nganh-kinh-te-dap-ung-hoi-nhap-va-phat-trien-ben-vung-cua-viet-nam-hien-nay-mot-so-van-de-trao-doi-73241.htm>
5. UBND xã Tây Kỳ (2019), *Báo cáo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2019; phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp 2020*
6. Báo cáo chung tổng quan ngành Y tế năm 2013, https://syt.thuathienhue.gov.vn/UploadFiles/TinTuc/2015/7/6/jahr2013_final_vn.pdf, truy cập ngày 5.5.2021